

# **CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**

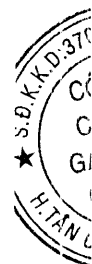
**Báo cáo tài chính đã được soát xét cho 6 tháng đầu năm 2010**

**Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010**



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	2-3
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT</b>	4-4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
Bảng cân đối kế toán	5-7
Kết quả hoạt động kinh doanh	8-8
Lưu chuyển tiền tệ	9-9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10-22



# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Ấp Cây Chàm, Xã Thạnh Phước, Tân Uyên, Bình Dương.

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gạch ngói Cao cấp trình bày Báo cáo tài chính của Công ty cho 6 tháng đầu năm 2010, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010.

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp (sau đây gọi tắt là Công ty) – được cổ phần hóa từ Nhà máy Gạch ngói Cao Cấp trực thuộc Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương - hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế với mã số doanh nghiệp 3700762464 (đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 23/11/2009) với vốn điều lệ là 46.683.000.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

### Vốn của các cổ đông sáng lập là:

- Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (do Ông Huỳnh Thanh Sơn, Ông Lê Minh Hoàng làm đại diện) nắm giữ 1.395.360 cổ phần tương đương 13.953,6 triệu đồng, chiếm 29,89%;
- Ông Lê Minh Hoàng nắm giữ 40.527 cổ phần tương đương 405,27 triệu đồng, chiếm 0,87%;
- Ông Đỗ Thành Lộc nắm giữ 31.122 cổ phần tương đương 311,22 triệu đồng, chiếm 0,67%;
- Ông Phạm Ngũ Cơ nắm giữ 26.562 cổ phần tương đương 266,62 triệu đồng, chiếm 0,57%;
- Ông Nguyễn Tiến Trãi nắm giữ 9.120 cổ phần tương đương 91,2 triệu đồng, chiếm 0,19%.

**Trụ sở của Công ty** : Ấp Cây Chàm, Xã Thạnh Phước, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : 0650.3.658.273 Fax: 0650.3.625.379

### Hoạt động chính của Công ty :

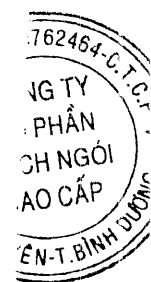
- Khai thác đá, đất sét;
- Sản xuất gạch ngói bằng lò Tuynel;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Xây dựng lò tuynel;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ nung đốt gạch ngói đất sét bằng lò tuynel;
- Trồng cây cao su.

### Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố thêm trên Báo cáo tài chính.

### Hội đồng quản trị Công ty:

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Huỳnh Thanh Sơn	Việt Nam	Chủ tịch	27/10/2006	
- Ông Lê Minh Hoàng	Việt Nam	Phó Chủ tịch	27/10/2006	
- Ông Nguyễn Tiến Trãi	Việt Nam	Thành Viên	27/10/2006	
- Ông Phạm Ngũ Cơ	Việt Nam	Thành Viên	27/10/2006	
- Ông Đỗ Thành Lộc	Việt Nam	Thành Viên	27/10/2006	





Số: 088 /BCKT/TC

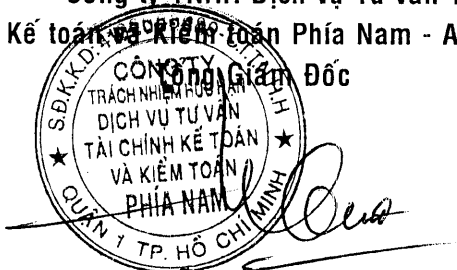
**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT***Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Gạch ngói Cao cấp  
Cho 6 tháng đầu năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010.***Kính gửi : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Gạch ngói Cao cấp (sau đây gọi tắt là Công ty) lập tại ngày 20/07/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán kết thúc vào ngày trên. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2010

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS****Đỗ Khắc Thanh**

Chứng chỉ KTV số : Đ.0064/KTV

**Kiểm toán viên****Lê Kim Ngọc**

Chứng chỉ KTV số : 0181/KTV

689-C  
CÔNG TY  
TƯ VẤN  
KẾ TOÁN  
KIỂM TOÁN  
PHÍA NAM  
HỒ CHÍ MINHS.D.K.K.D.3  
C  
C  
G  
C  
H  
T  
A  
N  
M

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>A . TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>24.671.126.050</b>	<b>32.576.160.020</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>15.501.231.942</b>	<b>24.245.816.263</b>
1. Tiền	111		3.101.231.942	1.845.316.263
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.400.000.000	22.400.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.243.376.839</b>	<b>1.804.791.500</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	<b>V.2</b>	1.102.186.839	1.304.337.050
2. Trả trước cho người bán	132	<b>V.3</b>	141.190.000	339.981.950
5. Các khoản phải thu khác	135		-	159.972.500
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.4</b>	<b>7.662.961.449</b>	<b>5.804.355.668</b>
1. Hàng tồn kho	141		7.662.961.449	5.804.355.668
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>263.555.820</b>	<b>721.196.589</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>V.5</b>	211.607.866	348.057.058
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		4.625.397	500.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>V.6</b>	47.322.557	372.639.531
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>36.916.013.832</b>	<b>34.643.607.403</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11.403.849.660</b>	<b>12.159.237.533</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.7</b>	11.355.897.715	11.246.938.688
- Nguyên giá	222		15.751.195.653	14.929.095.653
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.395.297.938)	(3.682.156.965)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>V.8</b>	47.951.945	912.298.845
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>25.512.164.172</b>	<b>22.484.369.870</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>V.9</b>	25.502.078.444	22.474.284.142
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		10.085.728	10.085.728
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>61.587.139.882</b>	<b>67.219.767.423</b>

3072454-L  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 GẠCH NGÓI  
 CAO CẤP  
 T. BÌNH DƯƠNG

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>6.455.340.270</b>	<b>5.147.141.090</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.382.646.342</b>	<b>5.049.745.162</b>
2. Phải trả cho người bán	312	V.10	583.549.636	392.404.391
3. Người mua trả tiền trước	313	V.11	97.923.404	356.471.504
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	4.054.491.570	3.022.215.290
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	753.994.262	636.527.322
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		892.687.470	642.126.655
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>72.693.928</b>	<b>97.395.928</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334		12.000.000	12.000.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		60.693.928	85.395.928
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>	<b>V.14</b>	<b>55.131.799.612</b>	<b>62.072.626.333</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>55.131.799.612</b>	<b>62.072.626.333</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		46.683.000.000	46.683.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	5.000.000.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(20.360.579)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.583.077.928	1.583.077.928
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.666.851.979	1.369.096.036
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.198.869.705	7.457.812.948
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>61.587.139.882</b>	<b>67.219.767.423</b>

TP. DƯƠNG  
CỘNG HÒA  
XHCN  
HỊCH VI  
CHÍNH  
VÀ KIẾ  
PHÍ  
TP

C. P. C.  
★  
B. D. G.

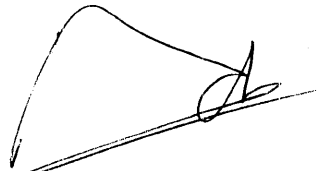
**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- USD	VI.1	71,27	70,21
6. Hạn mức kinh phí còn lại		-	-

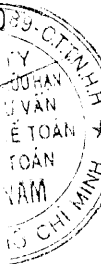
Bình Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng



HỨA NGỌC CHÍNH

Giám đốc





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

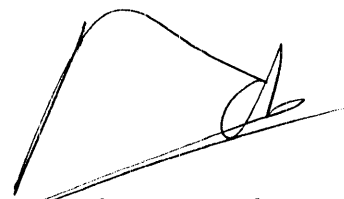
6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	21.376.744.412	14.249.027.678
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>21.376.744.412</b>	<b>14.249.027.678</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	12.658.588.100	8.188.261.507
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>8.718.156.312</b>	<b>6.060.766.171</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	811.698.954	567.384.568
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	-	641.667
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	641.667
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	234.307.635	164.190.892
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1.357.925.614	966.243.925
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>7.937.622.017</b>	<b>5.497.074.255</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	42.763.616	49.989.580
12. Chi phí khác	32	VI.8	40.249.709	46.500.515
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>2.513.907</b>	<b>3.489.065</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>7.940.135.924</b>	<b>5.500.563.320</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	1.985.033.981	962.598.581
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>5.955.101.943</b>	<b>4.537.964.739</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1.276	1.108

Bình Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng



HỨA NGỌC CHÍNH

Giám đốc



LÊ VĂN HOÀNG



**LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**6 tháng đầu năm 2010**

**( Phương pháp trực tiếp )**

Đvt. đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH</b>				
- Tiền thu từ bán hàng, cung cấp hàng hóa dịch vụ và doanh thu khác	01		23.425.325.459	14.371.413.682
- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(9.801.140.178)	(5.713.872.082)
- Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.078.270.000)	(2.453.868.000)
- Tiền chi trả lãi vay	04		-	(641.667)
- Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(7.043.145.825)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.403.249.246	1.148.507.158
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(4.202.035.414)	(2.246.821.292)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>703.983.288</b>	<b>5.104.717.799</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.327.317.563)	(3.821.708.173)
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		811.698.954	567.384.568
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3.515.618.609)</b>	<b>(3.254.323.605)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(2.200.000.000)
- Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.932.949.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(5.932.949.000)</b>	<b>(2.200.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(8.744.584.321)</b>	<b>(349.605.806)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>24.245.816.263</b>	<b>9.065.663.315</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>15.501.231.942</b>	<b>8.716.057.509</b>

20508  
 CÔNG TY  
 CHỨC VỤ TƯ  
 CHÍNH KÍ  
 KIỂM T  
 PHIA N  
 TP. H

Bình Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng

  
 HỨA NGỌC CHÍNH



1762464-L  
 G TY  
 H  
 GÓI  
 P

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Ấp Cây Chàm, xã Thạnh Phước, Tân Uyên, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 6 tháng đầu năm 2010, kết thúc ngày 30/06/2010

## I. Đặc điểm hoạt động của Công ty:

### 1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp (sau đây gọi tắt là Công ty) – được cổ phần hóa từ Nhà máy Gạch ngói Cao Cấp trực thuộc Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương - hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế với mã số doanh nghiệp 3700762464 (đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 23/11/2009) với vốn điều lệ là 46.683.000.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

### Vốn của các cổ đông sáng lập là:

- Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (do Ông Huỳnh Thanh Sơn, Ông Lê Minh Hoàng làm đại diện) nắm giữ 1.395.360 cổ phần tương đương 13.953,6 triệu đồng, chiếm 29,89%;
- Ông Lê Minh Hoàng nắm giữ 40.527 cổ phần tương đương 40.527 triệu đồng, chiếm 0,87%;
- Ông Đỗ Thành Lộc nắm giữ 31.122 cổ phần tương đương 311,22 triệu đồng, chiếm 0,67%;
- Ông Phạm Ngũ Cơ nắm giữ 26.562 cổ phần tương đương 266,62 triệu đồng, chiếm 0,57%;
- Ông Nguyễn Tiến Trãi nắm giữ 9.120 cổ phần tương đương 91,2 triệu đồng, chiếm 0,92%.

**Ngành, nghề kinh doanh :** Khai thác đá, đất sét; Sản xuất gạch ngói bằng lò tuynel; Mua bán vật liệu xây dựng; Xây dựng lò tuynel; Tư vấn, chuyển giao công nghệ nung đốt gạch ngói đất sét bằng lò tuynel; Trồng cây cao su.

**Hình thức sở hữu vốn :** Công ty Cổ phần.

### 2. Lĩnh vực kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất gạch ngói xây dựng chất lượng cao các loại, khai thác sét để sản xuất gạch ngói và cung cấp cho các nhà sản xuất khác.

## II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

### 1. Niên độ kế toán:

Niên độ kế toán đầu tiên của công ty bắt đầu từ ngày 01/12/2006 đến ngày 31/12/2007.

Niên độ kế toán tiếp theo của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. Chế độ kế toán áp dụng:

### 1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

### 2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Ấp Cây Chàm, xã Thạnh Phước, Tân Uyên, Bình Dương

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 6 tháng đầu năm 2010, kết thúc ngày 30/06/2010

### 3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam:

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng:

#### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển:

**1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:** là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### 1.2. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

#### 2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

**2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp ước lượng sản phẩm hoàn thành tương đương.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

**2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Ấp Cây Chàm, xã Thạnh Phước, Tân Uyên, Bình Dương

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 6 tháng đầu năm 2010, kết thúc ngày 30/06/2010

**2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

**3.1. Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

**3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### 4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

#### 4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

#### 4.3. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	12 năm
- Máy móc, thiết bị	08 năm
- Thiết bị văn phòng	08 năm
- Phương tiện vận tải	08 năm

**5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:** Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các

35888  
CÔNG TY  
NHIỆM VỤ  
HÀNH KẾ  
KIỂM TỐC  
PHÍA N  
P. HC

0.37  
CỎ  
CỎ  
ACH  
CAO  
M.T.I

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Ấp Cây Chàm, xã Thạnh Phước, Tân Uyên, Bình Dương

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

## Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 6 tháng đầu năm 2010, kết thúc ngày 30/06/2010

khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

**6.1. Chi phí trả trước:** Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

**6.2. Chi phí khác:** Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

**6.3. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:** Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí trả trước dài hạn của công ty chủ yếu gồm :

- Chi phí đền bù, chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại mỏ sét Đồng Chanh. Chi phí ban đầu để đưa mỏ sét vào khai thác được phân bổ theo sản lượng khai thác.

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định : phân bổ 24 tháng.

#### 7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

#### 8. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm:

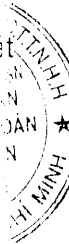
Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### 9. Nguồn vốn chủ sở hữu:

**Ghi nhận cổ tức:** Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

#### **Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định pháp lý hiện hành. Việc phân phối cổ tức cho cổ đông được thực hiện trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông.



1076  
107  
HÁI  
NG  
CẤP  
INH

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Ấp Cây Chàm, xã Thạnh Phước, Tân Uyên, Bình Dương

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 6 tháng đầu năm 2010, kết thúc ngày 30/06/2010

#### 10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

##### 10.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

##### 10.2. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ấp Cây Chàm, xã Thanh Phước, huyện Tân Uyên, Bình Dương

Cho 6 tháng đầu năm 2010, kết thúc ngày 30/06/2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán và Kết quả hoạt động kinh doanh**

<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Tiền mặt tại quỹ	483.690.910	419.716.470
Tiền gửi ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - CN Bình Dương	2.617.541.032	1.426.099.793
- Tiền gửi VND	2.616.329.868	1.424.840.155
- Tiền gửi ngoại tệ ( USD ) 71,27 usd #	1.211.164	1.259.638
Các khoản tương đương tiền (*)	12.400.000.000	22.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>15.501.231.942</b>	<b>24.245.816.263</b>
(*) Khoản tiền gửi có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng		
<b>2. Phải thu của khách hàng</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Công ty Vật liệu & Xây dựng Bình Dương	990.086.411	1.081.725.874
Công ty TNHH Khoáng Sản Và XD Trung Thắng	-	184.026.403
Công ty TNHH Minh Long I	112.100.428	16.152.773
Công ty CP Gạch Ngói Nhị Hiệp	-	22.792.000
Công ty TNHH SX TM Đông Hòa	-	140.000
<b>Cộng</b>	<b>1.102.186.839</b>	<b>1.304.837.050</b>
<b>3. Trả trước cho người bán</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
TECHNOS CORP.	- 18.950,00 usd #	339.981.950
Công ty du lịch Tâm Nhìn Trẻ.	41.190.000	-
Cơ sở Sáu Tranh (ứng tiền mua pallet).	100.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>141.190.000</b>	<b>339.981.950</b>
<b>4. Hàng tồn kho</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Nguyên liệu, vật liệu	5.708.366.497	2.923.191.038
Công cụ dụng cụ	39.006.121	44.213.227
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	744.713.581	771.070.409
Thành phẩm tồn kho	1.170.875.250	2.065.880.994
<b>Cộng</b>	<b>7.662.961.449</b>	<b>5.804.355.668</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho cuối kỳ	<b>7.662.961.449</b>	<b>5.804.355.668</b>
<b>5. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Chi phí khai thác đất đầu, khai mương, đắp đê ở mỏ sét Đồng	169.732.575	255.931.419
Chi phí khác	41.875.291	92.125.639
<b>Cộng</b>	<b>211.607.866</b>	<b>348.057.058</b>

2050680  
CÔNG TY  
CHÍNH KẾ  
VÀ KIỂM TOÁN  
PHÍA NAI  
TP. HO

S.Đ.K.K  
G. C  
H. T. U. Y. E.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**

Áp Cây Chàm, xã Thanh Phước, huyện Tân Uyên, Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho 6 tháng đầu năm 2010, kết thúc ngày 30/06/2010

<b>6. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Tạm ứng	47.322.557	32.657.581
Ký quỹ mở LC thanh toán tiền nhập khẩu	- 18.950,00 usd #	339.981.950
<b>Cộng</b>	<b>47.322.557</b>	<b>372.639.531</b>

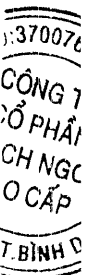
**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>Thiết bị văn phòng</b>	<b>Phương tiện Vận tải</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	11.880.229.075	2.586.978.234	31.400.145	430.488.199	14.929.095.653
Tăng trong kỳ	-	822.100.000	-	-	822.100.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	11.880.229.075	3.409.078.234	31.400.145	430.488.199	15.751.195.653
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	2.544.235.203	959.902.293	12.102.145	165.917.324	3.682.156.965
Tăng trong kỳ	501.400.446	182.872.505	1.962.510	26.905.512	713.140.973
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	3.045.635.649	1.142.774.798	14.064.655	192.822.836	4.395.297.938
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	9.335.993.872	1.627.075.941	19.298.000	264.570.875	11.246.938.688
Số cuối kỳ	8.834.593.426	2.266.303.436	17.335.490	237.665.363	11.355.897.715

<b>8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Máy móc, thiết bị	-	912.298.845
Trại ra, vô lò	47.951.945	-
<b>Cộng</b>	<b>47.951.945</b>	<b>912.298.845</b>

<b>9. Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Chi phí đền bù đất mỏ sét Đồng Chanh	24.583.201.616	21.494.508.424
Chi phí khác phát sinh trong giai đoạn XD CB mỏ sét Đồng Chanh	742.368.433	789.358.445
Chi phí sửa chữa nhà, văn phòng, căn tin, nhà kho tại VP Công ty	142.812.955	190.417.273
Chi phí sửa chữa xây nối thêm đuôi lò nung	33.695.440	-
<b>Cộng</b>	<b>25.502.078.444</b>	<b>22.474.284.142</b>

<b>10. Phải trả người bán</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
DNTN Minh Tiến	286.374.316	392.404.391
DNTN Trọng Cát (Vận chuyển đất sét)	106.038.000	-
Công ty TNHH Than Tân Phú Đồng (Mua than cá)	191.137.320	-
<b>Cộng</b>	<b>583.549.636</b>	<b>392.404.391</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>11. Người mua trả tiền trước</b>		
Công ty TNHH TM DV và SX Lý Khanh	-	250.500.000
DNTN Minh Tiến	43.862.500	86.967.500
Công ty CP ĐT và XD Hiệp Phong	-	15.426.004
Công ty TNHH KS và XD Trung Thắng	13.280.925	-
Công ty TNHH Hoàng Minh Phương	7.470.814	-
DNTN Huỳnh Thu	20.100.000	-
Đại lý Lê Túy Dũng	9.730.525	-
Các cá nhân khác	3.478.640	3.578.000
<b>Cộng</b>	<b>97.923.404</b>	<b>356.471.504</b>
<b>12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>		
Thuế GTGT phải nộp	179.393.310	115.149.068
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.769.509.919	2.747.074.520
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.366.799
Thuế tài nguyên	45.018.431	73.747.493
Tiền thuê đất	40.342.910	40.342.910
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	20.227.000	43.534.500
<b>Cộng</b>	<b>4.054.491.570</b>	<b>3.022.215.290</b>
<b>13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>		
Tài sản thừa chờ xử lý (*)	451.594.242	451.594.242
Kinh phí công đoàn	32.948.540	48.588.080
Các khoản khác	269.451.480	136.345.000
<b>Cộng</b>	<b>753.994.262</b>	<b>636.527.322</b>

(\*) Giá trị đất sét, than cám thừa được xác định từ kết quả kiểm kê tại thời điểm cuối niên độ 2009, chưa xác định chính xác nguyên nhân.

**14. Vốn chủ sở hữu**

**Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
<b>Năm trước</b>						
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>40.950.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>1.583.077.928</b>	<b>791.539.796</b>	<b>14.133.000</b>	<b>6.271.828.297</b>
- Tăng vốn trong năm trước	5.733.000.000	-	-	-	-	5.733.000.000
- Lợi nhuận sau thuế tăng năm trước	-	-	-	-	-	12.728.440.891
- Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	(5.809.456.240)
+ Phân phối cho quỹ CSH	-	-	-	577.556.240	-	(577.556.240)
+ Cổ tức phải trả cho cổ đông	-	-	-	-	-	(3.460.750.000)
+ Phân phối cho quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.155.112.000)
+ Các khoản khác (Thù lao HĐQT, BKS, thưởng ban điều hành)	-	-	-	-	596.038.000	(596.038.000)
- Giảm năm trước	-	-	-	-	(366.274.000)	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>46.683.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>1.583.077.928</b>	<b>1.369.096.036</b>	<b>243.897.000</b>	<b>7.457.812.948</b>
<b>6 tháng đầu năm</b>						
<b>Số dư đầu năm 2010</b>	<b>46.683.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>1.583.077.928</b>	<b>1.369.096.036</b>	<i>Xem TM (VII.3)</i>	<b>7.457.812.948</b>
- Tăng vốn trong kỳ nay	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận sau thuế tăng kỳ này	-	-	-	-	-	5.955.101.943
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-	-	-	-	(8.214.045.186)
+ Phân phối cho quỹ CSH	-	-	-	297.755.943	-	(297.755.943)
+ Cổ tức đã trả cho cổ đông	-	-	-	-	-	(5.932.949.000)
+ Phân phối cho quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(770.819.000)
+ Các khoản khác (Thù lao HĐQT, BKS, thưởng ban điều hành)	-	-	-	-	-	(131.974.000)
- Giảm kỳ này (*)	-	(5.000.000.000)	-	-	-	(1.030.547.243)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>46.683.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.583.077.928</b>	<b>1.666.851.979</b>	<b>-</b>	<b>5.198.869.705</b>

(\*) Công ty sử dụng thặng dư vốn cổ phần 5.000.000.000 đồng và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 1.080.547.243 đồng để nộp thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2007 và 2008 bị truy thu

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2010		Năm trước	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
-Vốn đầu tư của nhà nước	13.953.600.000	13.953.600.000	13.953.600.000	13.953.600.000
-Vốn góp của cổ đông khác	32.729.400.000	32.729.400.000	32.729.400.000	32.729.400.000
	<b>46.683.000.000</b>	<b>46.683.000.000</b>	<b>46.683.000.000</b>	<b>46.683.000.000</b>

Công ty không phát hành trái phiếu.

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận :**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	6 tháng đầu năm 2010	Năm trước
Vốn góp đầu năm	46.683.000.000	40.950.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	5.733.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	46.683.000.000	46.683.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>5.932.949.000</b>	<b>9.628.001.000</b>

Cổ phiếu :	6 tháng đầu năm 2010	Năm trước
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	4.668.300 cổ phần	4.668.300 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	4.668.300 cổ phần	4.668.300 cổ phần
+ Cổ phiếu thường	4.668.300 cổ phần	4.668.300 cổ phần
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu thường	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.668.300 cổ phần	4.095.000 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đ/cổ phần		

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Kết quả hoạt động kinh doanh**

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Doanh thu gạch ngói	13.419.684.265	14.249.027.678
Doanh thu đất sét	7.861.822.052	-
Doanh thu tư vấn CGCN tăng công suất lò nung tuynel	95.238.095	-
<b>Cộng</b>	<b>21.376.744.412</b>	<b>14.249.027.678</b>

Trong năm đơn vị không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu

2. Giá vốn hàng bán	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Giá vốn sản phẩm gạch ngói	9.260.959.145	8.188.261.507
Giá vốn đất sét	3.397.628.955	-
<b>Cộng</b>	<b>12.658.588.100</b>	<b>8.188.261.507</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ấp Cây Chàm, xã Thạnh Phước, huyện Tân Uyên, Bình Dương

Cho 6 tháng đầu năm 2010, kết thúc ngày 30/06/2010

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi tiền gửi, tiền cho vay

	<b>6 tháng đầu năm 2010</b>	<b>6 tháng đầu năm 2009</b>
	811.698.954	567.384.568
<b>Cộng</b>	<b>811.698.954</b>	<b>567.384.568</b>

**4. Chi phí tài chính**

Chi phí lãi vay

	<b>6 tháng đầu năm 2010</b>	<b>6 tháng đầu năm 2009</b>
	-	641.667
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>641.667</b>

**5. Chi phí bán hàng**

Chi phí nhân viên bán hàng

Chi phí vật liệu, bao bì

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

	<b>6 tháng đầu năm 2010</b>	<b>6 tháng đầu năm 2009</b>
	-	954.528
	-	561.000
	91.336.361	56.399.545
	142.971.274	106.275.819
<b>Cộng</b>	<b>234.307.635</b>	<b>164.190.892</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí nhân viên quản lý

Chi phí vật liệu quản lý

Chi phí đồ dùng văn phòng

Chi phí khấu hao TSCĐ

Thuế, phí và lệ phí

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

	<b>6 tháng đầu năm 2010</b>	<b>6 tháng đầu năm 2009</b>
	969.495.385	665.807.006
	12.840.872	11.216.687
	9.562.728	6.112.364
	31.317.468	31.317.468
	13.389.109	5.360.713
	196.465.163	112.782.665
	124.854.889	133.647.022
<b>Cộng</b>	<b>1.357.925.614</b>	<b>966.243.925</b>

**7. Thu nhập khác**

Keo chống thấm

	<b>6 tháng đầu năm 2010</b>	<b>6 tháng đầu năm 2009</b>
	42.763.616	49.989.580
<b>Cộng</b>	<b>42.763.616</b>	<b>49.989.580</b>

**8. Chi phí khác**

Giá vốn keo chống thấm

	<b>6 tháng đầu năm 2010</b>	<b>6 tháng đầu năm 2009</b>
	40.249.709	46.500.515
	<b>40.249.709</b>	<b>46.500.515</b>

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

Chi phí nguyên liệu vật liệu

Chi phí công cụ

Chi phí nhân công

Chi phí khấu hao tài sản cố định

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí khác bằng tiền

	<b>6 tháng đầu năm 2010</b>	<b>6 tháng đầu năm 2009</b>
	4.345.995.045	2.712.105.556
	21.048.288	10.971.017
	3.287.291.090	2.094.524.955
	713.140.973	504.240.370
	2.729.383.562	695.435.890
	2.955.641.605	569.727.474
<b>Cộng</b>	<b>14.052.500.563</b>	<b>6.587.005.262</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Áp Cây Chàm, xã Thạnh Phước, huyện Tân Uyên, Bình Dương

Cho 6 tháng đầu năm 2010, kết thúc ngày 30/06/2010

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

	<u>6 tháng đầu năm 2010</u>	<u>6 tháng đầu năm 2009</u>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>7.940.135.924</b>	<b>5.500.563.320</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>xác định thu nhập chịu thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Chênh lệch vĩnh viễn : Tăng (+), Giảm (-)	-	-
Chênh lệch tạm thời : Tăng (+), Giảm (-)	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>7.940.135.924</b>	<b>5.500.563.320</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 25%	1.985.033.981	1.375.140.830
Thuế TNDN được giảm 30% (NQ 30/NQ-CP)	-	412.542.249
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp kỳ này	1.985.033.981	962.598.581
<b>Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.985.033.981</b>	<b>962.598.581</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế phải nộp được trình bày trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2010 có thể thay đổi theo quyết định của cơ quan Thuế.

	<u>6 tháng đầu năm 2010</u>	<u>6 tháng đầu năm 2009</u>
<b>10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế	5.955.101.943	4.537.964.739
Số cổ phiếu lưu hành bình quân(*)	4.668.300	4.095.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.276	1.108
		<b>Số cổ phiếu bình</b>
		<b>quán lưu hành 6</b>
		<b>tháng đầu năm</b>
		<b>2010</b>
(*)	<b>Số lượng</b>	<b>Số ngày</b>
	<b>cổ phiếu</b>	<b>lưu hành</b>
- Số đầu kỳ	4.668.300	181
- PS tăng trong kỳ	-	-
- PS giảm trong kỳ	-	-
	<b>4.668.300</b>	<b>4.668.300</b>

**VII. Những thông tin khác****1. Giao dịch với bên liên quan**

Bên liên quan với Công ty gồm :

**Bên liên quan**

Công ty Vật liệu Xây dựng Bình Dương

Đại lý Lê Túy Dũng

Công ty TNHH Than Tân Phù Đổng

**Mối quan hệ với Công ty**

Công ty liên kết

Cổ đồng

Cổ đồng

CÔNG TY  
 TNHH HỮU HẠI  
 TƯ VẤN  
 VÀ KIỂM TOÁN  
 PHÍA NAM  
 TP. HỒ CHÍ MINH

76246  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 GẠCH NGÓI  
 CAO CẤP  
 BÌNH DƯƠNG

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Nội dung giao dịch với Bên liên quan</b>	<b>Số tiền</b>
<b>Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (Công ty liên kết)</b>	Phải thu tiền bán sản phẩm	8.978.875.425
	Đã thu tiền bán sản phẩm	7.988.789.014
<b>Đại lý Lê Túy Dũng (cổ đông)</b>	Phải thu tiền bán sản phẩm	971.418.139
	Đã thu tiền bán sản phẩm	981.148.664
<b>Công ty TNHH Than Tân Phù Đồng (cổ đông)</b>	Phải trả tiền mua than cám	1.225.958.965
	Đã trả tiền mua than cám	1.034.821.645

Tại ngày (30/06/2010), công nợ với Bên liên quan như sau :

<b>Bên liên quan</b>	<b>Nội dung công nợ với Bên liên quan</b>	<b>Số tiền</b>
Công ty Vật liệu Xây dựng Bình Dương (cty liên kết)	Phải thu tiền bán sản phẩm	990.086.411
Công ty TNHH Than Tân Phù Đồng (cổ đông)	Phải trả tiền mua than cám	191.137.320

**2. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010:**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố thêm trên Báo cáo tài chính

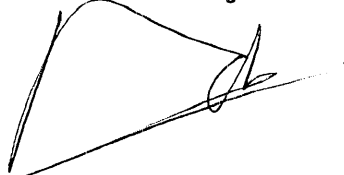
**3. Số liệu so sánh**

Số liệu đầu năm là số liệu cuối năm của Báo cáo tài chính niên độ 2009 đã được kiểm toán và phân loại lại một số khoản mục theo thông tư số 244/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Mã số cũ</b>	<b>Số liệu đã trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2009</b>	<b>Mã số mới</b>	<b>Số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính kỳ này</b>
Quỹ khen thưởng phúc lợi	431	398.229.655	323	642.126.655
Quỹ khác thuộc vốn CSH	419	243.897.000	419	-

Bình Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng



**HỨA NGỌC CHÍNH**

